

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở KHU VỰC MIỀN NÚI TÂY BẮC TỈNH NGHỆ AN

Trương Thị Như Nguyệt

Bộ môn Khoa học cơ bản, Đại học Công đoàn Việt Nam

Tóm tắt. Khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An có lợi thế nổi bật là vị trí địa lý mang tính chuyên tiếp, tài nguyên đất đỏ bazan màu mỡ cùng với địa hình rộng lớn có khả năng hình thành các trang trại, vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả có quy mô lớn. Ngoài lợi thế nổi bật về tài nguyên đất, vùng còn có một số lợi thế để phát triển công nghiệp (khoáng sản, lâm sản), thương mại và du lịch. Tuy nhiên, cho đến nay đây vẫn là khu vực chậm phát triển về kinh tế. Tổng giá trị sản xuất của khu vực còn khá nhỏ bé so với toàn tỉnh (chỉ đóng góp khoảng 12% vào giá trị sản xuất toàn tỉnh, trong khi tỉ trọng dân số chiếm 18,7% toàn tỉnh). Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất của khu vực cũng chậm hơn so với toàn tỉnh. Năm 2022, giá trị sản xuất của khu vực chỉ tăng 10,94% so với năm 2021 và gấp 1,77 lần so với năm 2016, trong khi con số này của toàn tỉnh là 11,9% và 2,43 lần. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành còn chậm (năm 2022: giá trị sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm khoảng 27%); cơ cấu lãnh thổ nền kinh tế cũng có sự phân hóa rõ rệt, giữa địa phương có giá trị sản xuất lớn nhất (huyện Nghĩa Đàn) và địa phương có giá trị sản xuất nhỏ nhất (huyện Quế Phong) cách biệt tới gần 10 lần.

Từ khóa: nhân tố ảnh hưởng, thực trạng, phát triển kinh tế, Tây Bắc tỉnh Nghệ An.

1. Mở đầu

Khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An có tổng diện tích là 5.363,9km² (chiếm 32,54% diện tích toàn tỉnh) và dân số năm 2021 là 635.438 người (chiếm 18,63%) [1]. Đây là khu vực có vai trò kết nối tỉnh Nghệ An với các tỉnh phía Bắc qua trục đường Hồ Chí Minh, kết nối với nước bạn Lào qua quốc lộ 48. Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2030 tầm nhìn 2050, khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An được xác định có vai trò quan trọng khi đóng góp 2 hành lang kinh tế (hành lang kinh tế đường Hồ Chí Minh, hành lang kinh tế quốc lộ 48) và 1 đô thị mở rộng (thành phố Thái Hòa phát triển gắn với Nghĩa Đàn). Mặc dù có vị trí chiến lược trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà nhưng khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An vẫn là khu vực có quy mô kinh tế nhỏ bé. Lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên – tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực kinh tế - xã hội chưa phát huy được tiềm năng.

Các công trình nghiên cứu về vấn đề kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An những năm gần đây chủ yếu tập trung vào nghiên cứu vấn đề tổ chức lãnh thổ kinh tế chung hoặc tổ chức lãnh thổ các ngành, các vấn đề kinh tế - xã hội riêng lẻ của toàn tỉnh, như: Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, hiện trạng phát triển công nghiệp, tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Nghệ An, phát triển nông nghiệp Nghệ An theo hướng hiện đại trong điều kiện hội nhập, phát triển hành lang kinh tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An đến năm 2030 [2, 3, 4, 5, 6]. Bên cạnh những nghiên cứu với phạm vi nghiên cứu

Ngày nhận bài: 21/3/2023. Ngày sửa bài: 29/4/2023. Ngày nhận đăng: 10/5/2023.

Tác giả liên hệ: Trương Thị Như Nguyệt. Địa chỉ e-mail: nguyetttn@dhcd.edu.vn

toàn tỉnh đã có một số nghiên cứu đi sâu vào việc phân tích vấn đề kinh tế - xã hội của một khu vực hoặc một địa phương cụ thể: xây dựng nông thôn mới tại các thôn, bản gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi tỉnh Nghệ An, phát triển du lịch nông nghiệp dựa trên hệ sinh thái tại huyện Nghĩa Đàn, thực trạng phát triển kinh tế vùng gò đồi tỉnh Nghệ An [7, 8, 9]. Có thể thấy, các nghiên cứu trên đã phản ánh được nhiều vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh Nghệ An tuy nhiên chưa có công trình nào đi sâu vào việc phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội của khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An. Vì vậy, phân tích các nhân tố và hiện trạng phát triển kinh tế của khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An là hướng nghiên cứu mới mà tác giả đã lựa chọn. Việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng và thực trạng phát triển kinh tế của khu vực sẽ cho chúng ta thấy bức tranh toàn cảnh của khu vực, là cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm phát triển kinh tế khu vực theo đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và thực hiện công tác giảm nghèo cho khu vực nói riêng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Dữ liệu

Những tài liệu và số liệu mà tác giả sử dụng của các nhà khoa học, các cơ quan (Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân các huyện, thị ở khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An, Cục Thống kê Nghệ An) có tính tin cậy cao.

Đề tài nghiên cứu trên phạm vi khu vực miền núi Tây Bắc tỉnh Nghệ An, bao gồm 05 huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quỳnh Phong và thị xã Thái Hòa.

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1.1. Phương pháp tổng quan tài liệu

Các nhân tố ảnh hưởng và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội là vấn đề nghiên cứu mang tính xã hội và lịch sử sâu sắc, vì vậy việc tổng quan các tài liệu sẽ giúp cho tác giả có nhận thức đầy đủ và thấu đáo nhất.

2.2.1.2. Phương pháp phân tích, xử lý số liệu

Trên cơ sở các nguồn số liệu thống kê của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân các huyện, thị ở khu vực Tây Bắc Nghệ An, Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, tác giả đã tiến hành phân tích, xử lý để có được căn cứ chính xác phục vụ mục đích nghiên cứu của bài báo.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế khu vực Tây Bắc Nghệ An

2.2.1.1. Vị trí địa lý

Nằm ở vĩ độ khoảng từ $18^{\circ}58'B$ đến $20^{\circ}00'B$ và kinh độ từ $104^{\circ}30'$ đến $105^{\circ}30'Đ$, khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An bao gồm địa bàn các huyện Quỳnh Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, Tân Kỳ và thị xã Thái Hòa; vừa có ranh giới huyện, tỉnh, vừa có đường biên giới. Phía Bắc khu vực tiếp giáp với tỉnh Thanh Hóa; phía Nam giáp các huyện Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn; phía Tây giáp với tỉnh Hòa Bình, nước bạn Lào; phía Đông giáp các huyện: Quỳnh Lưu, Yên Thành, Đô Lương.

Với vị trí tiếp giáp với nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh, đường biên giới dài cùng với sự phát triển và nâng cấp mạng lưới đường bộ đã tạo điều kiện để khu vực Tây Bắc Nghệ An giao lưu và trao đổi hàng hóa. Quốc lộ 48 được xem là huyết mạch kết nối các huyện trong khu vực đã được mở rộng và nâng cấp, đường Hồ Chí Minh đi qua hai huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ và thị xã Thái Hòa tạo mối liên kết giữa khu vực với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và kết nối rộng huyện với các tỉnh trong cả nước trên trục đường Hồ Chí Minh. Đường 36 đã được hoàn thành (Nghĩa Đàn – Hoàng Mai) rút ngắn khoảng cách kết nối với trung tâm sản xuất vật liệu

xây dựng lớn của vùng Bắc Trung Bộ là thị xã Hoàng Mai, từ đó kết nối đến cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa) và các tỉnh phía Bắc theo Quốc lộ 1A.

Như vậy, có thể thấy vị trí địa lí của khu vực khá thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế với các địa phương trong tỉnh cũng như các tỉnh lân cận, thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, thuận lợi về vị trí địa lí sẽ tạo ra cơ hội tạo nên sự kết nối giữa các địa phương trong việc thực hiện các đề án phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Địa hình

Về đặc điểm địa hình, địa hình tiểu vùng Tây Bắc ít phức tạp, phần lớn là đồi và núi thấp, với độ cao trung bình từ 200-500 đến 1.000m tập trung ở các huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, TX Thái Hòa. Khu vực núi cao trên 1.000m tập trung ở 3 xã tây bắc huyện Quế Phong (Đông Văn, Thông Thụ, Hạnh Dịch), với một số đỉnh cao trên 1.000m, như: Phù Hoạt (2.452m), Chóp Cháp (1.705m), Pả Môn (1.197m), Canh Cỏ (1.123m),... Địa hình Carst cũng là dạng địa hình đặc trưng của khu vực với nét đặc trưng không kéo dài liên tục mà nằm rải rác, phân bố ở các huyện Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ. Ở khu vực còn có một số hang động đá vôi đẹp như: hang Bua, hang Thâm Ôm ở huyện Quỳnh Châu. Bên cạnh đó, trong khu vực cũng có một số thác nước đẹp thác nước đẹp lôi cuốn khách du lịch như thác Xao Va 7 cấp ở Quế Phong,...

Đây là khu vực thuận lợi để phát triển lâm nghiệp, cây công nghiệp dài ngày và chăn nuôi đại gia súc. Trong quá trình phát triển kinh tế, lợi thế này cần được chú ý và phát huy. Các huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, thị xã Thái Hòa mang nhiều nét đặc trưng của địa hình khu vực trung du, trong khi các huyện Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu và đặc biệt là huyện Quế Phong sự phân hóa địa hình khá rõ rệt, gây khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế.

Khí hậu

Khí hậu của khu vực với tính chất gió mùa nhiệt đới, á đới có mùa đông lạnh, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương phát triển nông nghiệp, cụ thể: nhiệt độ trung bình năm cao, cùng với sự phân hóa đa dạng cả về thời gian và không gian là một thuận lợi lớn cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với nhiều loại nông sản phong phú; cho phép trồng các loại cây có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt; cho phép tăng vụ, xen canh, gối vụ.

Bên cạnh những lợi thế nêu trên, khí hậu khu vực còn có nhiều khó khăn đối với sản xuất và đời sống, như: lượng mưa phân bố không đều gây khó khăn cho quá trình khai thác tài nguyên nhiệt, đặc biệt vào thời kì hoạt động của gió Phơn Tây Nam, độ ẩm không khí thấp, lượng mưa thấp gây nên tình trạng khô hạn trong sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, một số hiện tượng thời tiết cực đoan như sương muối xảy ra ở các huyện trung du và sương giá xảy ra ở các huyện vùng cao, tác động của bão, áp thấp nhiệt đới gây thiệt hại lớn cho mùa màng và đời sống.

Tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất

Tài nguyên đất của khu vực khá đa dạng nhưng chủ yếu là nhóm đất địa thành, một số thung lũng sông, suối có đất phù sa, thuận lợi để phát triển cây lương thực và một số cây công nghiệp ngắn ngày. Các nhóm đất điển hình của khu vực là: đất nâu đỏ trên đá bazan (Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Thái Hòa), đất nâu đỏ trên đá vôi (Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Tân Kỳ), đất đỏ vàng phát triển trên đá phiến sét (Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ) là cơ sở để hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp và cây ăn quả.

Về hiện trạng sử dụng đất, tổng diện tích đất của khu vực chiếm 32,54% diện tích toàn tỉnh. Trong đó, đất lâm nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất lên tới 72,68% diện tích tự nhiên của khu vực (chiếm 33% diện tích đất lâm nghiệp toàn tỉnh), đất chuyên dùng chiếm 3,96%, đất ở chỉ chiếm 0,95% và đất chưa sử dụng chỉ còn 3,07% (thấp hơn mức bình quân toàn tỉnh là 4,29%). So với cơ cấu sử dụng đất toàn tỉnh, tỉ lệ đất lâm nghiệp cao hơn (tỉ lệ diện tích đất lâm nghiệp toàn

tỉnh là 71,58%). Như vậy, có thể thấy đất lâm nghiệp là lợi thế của vùng, gắn với chính đặc trưng của địa hình khu vực.

Với lợi thế về tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất như đã phân tích ở trên, trong quá trình phát triển kinh tế cần tập trung khai thác lợi thế về lâm nghiệp, cây ăn quả và cây công nghiệp.

Tài nguyên nước

Hệ thống sông ngòi của khu vực thuộc lưu vực sông Cả (sông Hiếu) với mật độ trung bình khoảng 0,6km/km². Thủy chế sông ngòi chia thành hai mùa rõ rệt, mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 11, chiếm 60-70% tổng lượng lớn cả năm, gây tình trạng ngập úng hai bên lưu vực sông Hiếu. Vào mùa khô tình trạng khô hạn xảy ra ở các huyện tả ngạn sông Cả (Quỳ Hợp). Nguồn nước ngầm của khu vực khá phong phú, riêng vùng đất bazan Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp nước ngầm khá sâu nên khó khai thác. Khu vực còn có nhiều nguồn nước khoáng, nước nóng như: suối nước nóng – nước khoáng Bản Khang, Bản Hạc, Bản Bò, Bản Lạng (Quỳ Hợp), Cồn Soi (Nghĩa Đàn) có thể khai thác phục vụ du lịch.

Sự phân hóa khá sâu sắc theo không gian và thời gian của nguồn nước trên mặt và nước ngầm đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp của khu vực, đặc biệt là những vùng mà hệ thống thủy lợi chưa phát triển.

Tài nguyên rừng

Diện tích đất lâm nghiệp lớn nên tài nguyên rừng được xem là một trong những thế mạnh của khu vực. Một số xã sinh sống trong khu vực có rừng, sinh kế của nhiều người dân sinh gắn liền với việc khai thác các nguồn lợi từ rừng như: hái măng, củi, chặt tre nứa, dược liệu, rau, lấy mật ong,... Việc khai thác một số nguồn lợi từ rừng mang lại nguồn sống đáng kể cho nhiều hộ dân thiếu đất sản xuất hoặc không có việc làm ổn định. Tuy nhiên, một nhược điểm lớn của sinh kế này đó là tính bấp bênh và những tác động tiêu cực tới tài nguyên rừng. Để đảm bảo nguồn thu cho các hộ gia đình trong quá trình khai thác một số nguồn lợi được phép khai thác từ tài nguyên rừng một cách ổn định, cần có sự kết hợp giữa việc khai thác các nguồn lợi tự nhiên từ rừng với việc sử dụng thế mạnh về đất, khí hậu tiến hành nuôi trồng (nuôi ong, trồng dược liệu, đặc sản,...).

Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản của khu vực khá đa dạng nhưng nhìn chung có trữ lượng nhỏ, chất lượng không cao. Với các khoáng sản điển hình: đá vôi và đá xây dựng (Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳ Hợp), thiếc (Quỳ Hợp), đá quý (Quỳ Hợp, Quỳ Châu), vàng (dọc sông Hiếu).

Tài nguyên khoáng sản có tác động hai mặt đối với quá trình phát triển kinh tế của khu vực. Việc khai thác một số loại tài nguyên khoáng sản đã tạo nên sự thay đổi về bộ mặt kinh tế - xã hội của địa phương, cơ sở hạ tầng theo đó cũng được đầu tư nhiều hơn, giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, hoạt động khai thác thiếu sự quy hoạch lâu dài và quản lý chặt chẽ đã gây ra nhiều hậu quả nặng nề. Cụ thể là những hệ lụy của những tai biến môi trường, thiên tai (ô nhiễm nguồn nước, lũ quét,...), mất đi nguồn sống truyền thống (nguồn lợi từ rừng); những tệ nạn xã hội xã hội do sự tập trung quá đông các thành phần dân cư nhập cư,...

2.2.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội

Dân số và đặc điểm dân cư

Dân số trung bình của khu vực năm 2021 là 635.438 người, chiếm 18,63% dân số toàn tỉnh. Mật độ dân số của khu vực khá thấp chỉ khoảng 118 người/km² (toàn tỉnh là 207 người/km²) tuy nhiên lại phân bố không đều, địa phương có mật độ dân số cao nhất (thị xã Thái Hòa) với địa phương có mật độ dân số thấp nhất (huyện Quế Phong) cách biệt lên tới 12,74 lần.

Sự phân bố dân cư không đồng đều đã gây ra những khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, những khu vực tập trung đông dân cư (thị xã, thị trấn) cùng với sự suy giảm về tài

nguyên thì vấn đề việc làm là vấn đề nan giải, trong khi các khu vực dân cư thưa thớt cũng gây cản trở cho việc giúp người dân tiếp cận được với các dịch vụ xã hội.

Bảng 1. Diện tích, dân số, mật độ dân số các địa phương khu vực Tây Bắc Nghệ An năm 2021

Địa phương	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Mật độ dân số (người/km ²)
TX Thái Hòa	134,91	67.142	505
Quế Phong	1.888,43	74.586	39
Quỳ Châu	1.057,47	60.809	58
Nghĩa Đàn	617,55	144.736	234
Quỳ Hợp	939,75	137.821	147
Tân Kỳ	725,83	150.344	191
KV MN Tây Bắc	5.363,92	635.438	118
Toàn tỉnh	16.481,56	3.409.812	207

(Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ Niên giám thống kê Nghệ An năm 2021[1])

Bên cạnh những đặc điểm về số dân và phân bố dân cư, sự đa dạng về thành phần dân tộc cũng là một đặc điểm nổi bật của dân cư khu vực Tây Bắc Nghệ An. Ngoài người Kinh chiếm đa số, trên địa bàn còn có một số dân tộc thiểu số như: Thái (chiếm khoảng 80% dân số của huyện Quế Phong và hơn 70% dân số huyện Quỳ Châu), Thổ (Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp, Quỳ Châu), H'mông, Khơ-mú, Chứt sinh sống ở khu vực biên giới thuộc huyện Quế Phong. Đặc điểm dân tộc đã tạo nên sự độc đáo, đa dạng trong đặc điểm văn hóa và phương thức sản xuất cho khu vực. Tuy nhiên, các một số dân tộc thiểu số trình độ dân trí còn thấp, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, còn tồn tại một số phương thức sản xuất lạc hậu,... là những khó khăn lớn trong quá trình phát triển kinh tế của khu vực.

Lao động

Số lượng lao động của khu vực năm 2019 là 367,53 nghìn người, tỉ trọng đóng góp trong lực lượng lao động toàn tỉnh là 19,47%. Chất lượng nguồn lực lao động từng bước được nâng lên, đã tiếp cận được với thị trường lao động trong tỉnh, ngoại tỉnh và ngoài nước. Năm 2013, CHV lệ lao động qua đào tạo đạt 32%, trong đó đào tạo nghề đạt 24%. Đến năm 2022, tỉ lệ lao động qua đào tạo của thị xã Thái Hòa đã cao hơn so với toàn tỉnh (73% so với 67,7%) nhưng ở các huyện còn lại, chất lượng lao động còn khá khiêm tốn. Ba huyện có tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt sấp xỉ 60% là Nghĩa Đàn (61,5%), Tân Kỳ (61%) và Quỳ Hợp (59%). Tại Quỳ Châu, mới chỉ có 47% lao động đã được đào tạo và chất lượng lao động thấp nhất là tại huyện Quế Phong khi chỉ có 37% số lao động ở đây được đào tạo (chỉ bằng ½ tỉ lệ của Thái Hòa).

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, cơ cấu lao động của khu vực Tây Bắc Nghệ An đang có sự chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm. Đó là sự tăng tỉ trọng lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ và giảm tỉ trọng lao động trong khu vực nông, lâm và thủy sản. Tỉ trọng lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp trung bình giảm 20% trong giai đoạn 2009-2019; lao động khu vực công nghiệp - xây dựng tăng thêm 10% và khu vực dịch vụ tăng thêm 11% cùng giai đoạn. Tuy nhiên, cho đến năm 2019, phần lớn lao động vẫn tập trung trong nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp, chiếm hơn 50% tổng số lao động ở hầu hết các địa phương (trừ Thái Hòa). Lao động công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 25 – 30% còn lao động trong khu vực dịch vụ chỉ chiếm khoảng 20% ở các địa phương.

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật

* Hệ thống đường giao thông: Hệ thống vận tải của khu vực Tây Bắc cơ bản được đầu tư xây dựng trong những năm đầu Đổi mới. Đáng kể là: quốc lộ 48 kết nối quốc lộ 1A với nước bạn Lào đi qua hầu hết các địa phương ở khu vực Tây Bắc (trừ huyện Tân Kỳ), đường Hồ Chí Minh đi qua huyện Nghĩa Đàn, thị xã Thái Hòa và huyện Tân Kỳ, quốc lộ 46, đường 36. Cùng

với hệ thống đường quốc lộ là hệ thống đường tỉnh lộ và hệ thống đường liên xã cũng được nâng cấp và cải tạo. Ngoài mạng lưới đường bộ, trước đây tuyến đường sắt Cầu Giát – Nghĩa Đàn tạo điều kiện kết nối vùng giàu tài nguyên lâm sản, cây công nghiệp với điểm công nghiệp khai thác của tỉnh, những năm gần đây tuyến đường sắt này đã không còn hoạt động. Mạng lưới đường sông chính là sông Hiếu, kết nối tất cả các huyện thị trong khu vực, nhập vào dòng sông Con và đổ vào dòng sông Lam, có vai trò chính là vận chuyển lâm sản và khoáng sản. Hiện nay, nhiều công trình trọng điểm đã và đang được thực hiện đã góp phần thay đổi bộ mặt hạ tầng cơ sở của khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của khu vực.

Tuy nhiên, mạng lưới vận tải của khu vực nhìn chung vẫn thiếu và yếu, đặc biệt ở các xã vùng sâu, vùng xa vẫn có nhiều thôn, bản chưa có đường ô tô đến trung tâm gây khó khăn trong quá trình giao lưu kinh tế, kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ.

* Hệ thống cung cấp điện, nước và bưu chính viễn thông

Điều kiện cơ sở hạ tầng nông thôn, nhất là giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp nước đã có nhiều bước cải thiện so với trước đây. Năm 2013, đã có 92% số xã có điện lưới quốc gia đến trung tâm. Năm 2020 Nghệ An đã hoàn thành Chương trình đưa điện lưới quốc gia về các xã chưa có điện lưới quốc gia trên địa bàn khu vực Tây Bắc tỉnh Nghệ An.

Về cung cấp nước, đến năm 2021 có 41,7% xã có đủ công trình cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, số hộ dân sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 84%.

* Hệ thống trường phổ thông và đào tạo chuyên nghiệp

Tính đến năm 2021, tại khu vực Tây Bắc Nghệ An, 100% số xã có đủ trường, lớp học cho các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được xây dựng kiên cố và bán kiên cố. Tuy nhiên, so với hệ thống các trường THPT của toàn tỉnh, hệ thống trường của khu vực chưa thực sự phát triển mạnh. Toàn khu vực mới chỉ có 13 trường THPT, thậm chí huyện Quế Phong và Quỳnh Châu mỗi huyện chỉ có 1 trường THPT. Các trường đại học, cao đẳng và trung cấp của tỉnh chủ yếu phân bố tập trung ở thành phố Vinh. Ở khu vực Tây Bắc Nghệ An chỉ có duy nhất một trường trung cấp (Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật khu vực Tây Bắc nằm trên địa phận thị xã Thái Hòa), 5 trung tâm dạy nghề kết hợp với giáo dục thường xuyên, một trung tâm hướng nghiệp dạy nghề tư nhân (Trung tâm Hướng nghiệp Dạy nghề Quế Phong).

Như vậy, với những hạn chế về hệ thống các trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp đã gây cản trở cho việc tiếp cận giáo dục và đào tạo nghề của lao động trong khu vực, ảnh hưởng trực tiếp tới năng suất lao động xã hội và giải quyết việc làm.

* Mạng lưới y tế

Tính đến năm 2021, 100% số xã trên địa bàn khu vực có trạm y tế, các huyện đều có bệnh viện với 01 bệnh viện khu vực, 6 trung tâm y tế huyện thị và 104 trạm y tế xã, phường, cơ quan, xí nghiệp và phòng khám. Tổng số giường bệnh của toàn khu vực đạt 1.225 giường bệnh. Số nhân lực ngành y, dược cũng tăng lên, năm 2021, tổng số nhân lực trong ngành y của khu vực là 1.884 người và ngành dược là 500 người. Sự phát triển của mạng lưới y tế và nguồn nhân lực trong ngành đã góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân, đồng thời làm tăng khả năng tiếp cận với dịch vụ y tế, giúp người dân được thăm khám, chữa trị kịp thời, hạn chế vòng luẩn quẩn giữa bệnh tật – đói nghèo. Tuy nhiên, với số dân và diện tích của khu vực thì mạng lưới y tế và lực lượng lao động trong ngành còn thiếu.

* Cơ sở vật chất kỹ thuật

Hệ thống thủy lợi những năm gần đây đã được cải tạo và xây dựng mới, tổng chiều dài hệ thống thủy lợi đến năm 2022 của khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An đạt 1.080km, đảm bảo tưới tiêu cho diện tích khoảng 31.480ha, bao gồm diện tích đất trồng lúa, trồng màu và diện tích nuôi trồng thủy sản. 83,6% số xã có các công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu tưới tiêu. Với sự phát triển và ngày càng hoàn thiện của hệ thống thủy lợi, sẽ góp phần làm tăng năng suất

cây trồng cũng như giữ ổn định diện tích canh tác, góp phần ổn định sản xuất và đời sống của nông dân.

Vốn đầu tư

Trong những năm gần đây, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng nhanh, với mức bình quân 11%/năm. Theo báo cáo từ Ủy ban Nhân dân các huyện, thị trong khu vực, năm 2017 tổng số vốn đầu tư toàn xã hội của khu vực đạt khoảng 7.000 tỉ đồng, trong đó thị xã Thái Hòa là địa phương có số vốn đầu tư cao nhất. Đến năm 2021, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 21.107 tỉ đồng (tăng gần 6 lần so với năm 2013). Nhiều công trình trọng điểm đã và đang được thực hiện và phát huy hiệu quả; tính liên kết về phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong khu vực với các địa phương của tỉnh và các tỉnh khác từng bước được hình thành.

Trong năm 2022, thu hút vốn đầu tư trên địa bàn đạt kết quả đáng kể, hiện nay có khoảng 40 dự án với 14.100 tỉ đồng vốn đầu tư đăng kí đầu tư vào khu vực Tây Bắc Nghệ An, phần lớn các dự án đầu tư trong lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, trồng rừng...

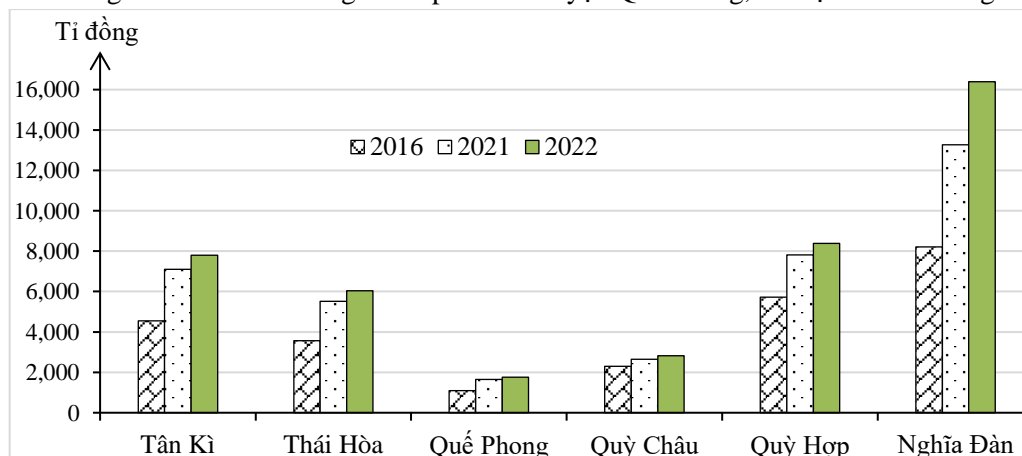
Tuy nhiên, nếu so sánh với tổng số vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh Nghệ An thì số vốn đầu tư của khu vực Tây Bắc vẫn còn nhỏ bé. Năm 2017, tổng nguồn vốn mới chỉ chiếm khoảng 12% toàn tỉnh. Đến năm 2022, với sự tăng trưởng vượt trội, con số này đã đạt 22,5% tổng lượng vốn đầu tư của toàn tỉnh nhưng chủ yếu tập trung tại Nghĩa Đàn (56,7% tổng nguồn vốn toàn khu vực) [11]. Các địa phương khác nguồn vốn đầu tư chỉ khoảng 1-2 nghìn tỉ đồng/huyện. Điều này phản ánh rõ hạn chế về nguồn vốn trong phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

2.2.2. Thực trạng phát triển kinh tế khu vực Tây Bắc tỉnh Nghệ An

2.2.2.1. Khái quát chung về nền kinh tế

Quy mô nền kinh tế

Sau những khó khăn do đại dịch covid tác động đến nền kinh tế trong năm 2020 và năm 2021, đến năm 2022 nền kinh tế của khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An đã dần phục hồi, tổng giá trị sản xuất (GTSX) của các huyện, thị trong khu vực đã có sự tăng trưởng đáng kể, đạt 43.203 tỉ đồng. Trong đó, huyện có GTSX cao nhất là Nghĩa Đàn (hơn 16 nghìn tỉ đồng), tiếp theo là các huyện Quỳnh Hợp và Tân Kỳ (sấp xỉ 8.000 tỉ đồng). Huyện Quỳnh Châu và thị xã Thái Hòa có tổng GTSX khoảng 2.000-3.000 tỉ đồng và thấp nhất là huyện Quế Phong, chỉ đạt 1.700 tỉ đồng.



Hình 1. Biểu đồ giá trị sản xuất của các huyện thị trong khu vực Tây Bắc

(Nguồn: Tính toán từ báo cáo KTXH các huyện thị Tây Bắc năm 2016, 2021 và 2022[10])

Tuy nhiên, có thể thấy, tổng GTSX của vùng Tây Bắc còn khá nhỏ bé so với toàn tỉnh (chỉ đóng góp khoảng 12% vào GTSX toàn tỉnh, trong khi tỉ trọng dân số là 18,7% toàn tỉnh).

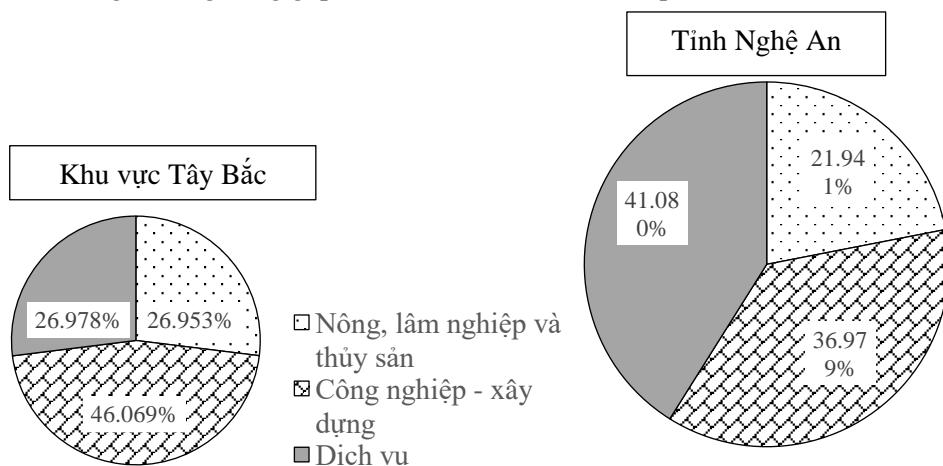
Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014-2016 trên địa bàn Tây Bắc Nghệ An đạt 8,5%, cao hơn tăng trưởng bình quân chung toàn tỉnh (tăng trưởng bình quân của tỉnh giai đoạn này là 7,59%). Đến năm 2016, tổng GTSX của toàn khu vực đạt 25.446 tỉ đồng, đóng góp 17% vào GTSX chung toàn tỉnh. Sang giai đoạn 2016 – 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 6,56%; giá trị tăng thêm bình quân đầu người bằng 70% so với toàn tỉnh, tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm trên địa bàn ước đạt 19,1% (Tỉnh ủy Nghệ An (2020), Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, tr.32). Thu nhập bình quân đầu người năm 2018 ước đạt 26,5 triệu đồng, tăng 1,53 lần so với năm 2013 (bằng 70% so với bình quân đầu người của cả tỉnh). Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch covid nên các năm 2020 và 2021, tình hình phát triển kinh tế của các huyện khu vực Tây Bắc gặp khó khăn, nhất là lĩnh vực dịch vụ - du lịch. Trong hoàn cảnh đó, lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn nổi lên trở thành “bà đỡ” cho kinh tế khu vực, giúp duy trì tốc độ tăng trưởng 6-7%/năm.

Năm 2022, GTSX của khu vực chỉ tăng tăng 10,94% so với năm 2021 và gấp 1,77 lần so với năm 2016, trong khi con số này của toàn tỉnh là 11,9% và 2,43 lần. Tốc độ tăng cao nhất vẫn thuộc về huyện Nghĩa Đàn (14,8% và 2,27 lần, tương đương với mức toàn tỉnh). Thấp nhất là Quỳnh Châu và Quỳnh Phong với mức tăng khoảng 6-7% trong năm 2022. Như vậy, tốc độ tăng trưởng GTSX của khu vực thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng GTSX của toàn tỉnh.

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Nếu so sánh với cơ cấu kinh tế toàn tỉnh, cơ cấu kinh tế của khu vực miền núi Tây Bắc còn khá lạc hậu. Tỷ trọng đóng góp của khu vực nông – lâm nghiệp và thủy sản cao hơn mức chung của toàn tỉnh nhưng tỷ trọng đóng góp của khu vực dịch vụ lại thấp hơn.

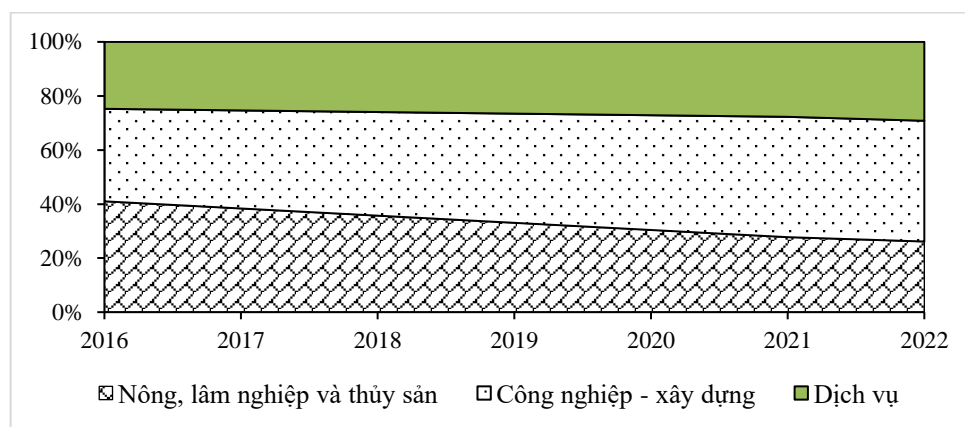


Hình 2. Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành của khu vực Tây Bắc và tỉnh Nghệ An năm 2022

(Nguồn: Tính toán theo báo cáo KTXH các huyện và tỉnh Nghệ An năm 2022[10,11])

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực Tây Bắc Nghệ An diễn ra theo xu hướng hiện đại hóa với sự giảm dần của khu vực sản xuất nông nghiệp và sự tăng dần của khu vực phi nông nghiệp.

Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã giảm từ 40% năm 2016 chỉ còn gần 30% vào năm 2022. Trong khi đó, phần đóng góp của khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng mạnh mẽ nhất, từ 33% năm 2016 lên 46% năm 2022. Riêng khu vực dịch vụ, sự thay đổi hầu như không đáng kể. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế phản ánh rõ xu hướng công nghiệp hóa trong nền kinh tế các huyện miền núi Tây Bắc Nghệ An.



Hình 3. Sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất khu vực Tây Bắc Nghệ An

(Nguồn: Tính toán từ báo cáo KTXH các huyện thị khu vực Tây Bắc năm 2016, 2021 và 2022[10])

2.2.2.2. Sự phát triển các ngành kinh tế

Đặc điểm chung: nông nghiệp phát triển khá toàn diện, đã hình thành một số vùng sản xuất cây nguyên liệu (mía, chè, cao su, cam, cây nguyên liệu chế biến gỗ,...) tập trung, quy mô lớn phục vụ chế biến và xuất khẩu; chăn nuôi tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến (bò sữa, bò thịt, lợn,...) được hình thành và tiếp tục phát triển. Công nghiệp phát triển khá nhanh, các nhà máy khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm sản hoàn thành đi vào hoạt động đã tạo động lực cho chuyển đổi cơ cấu và phát triển kinh tế. Thương mại, dịch vụ được mở rộng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đời sống và sản xuất.

Nông – lâm nghiệp và thủy sản

Sự phụ thuộc của kinh tế các huyện Tây Bắc Nghệ An vào khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản được thể hiện khá rõ khi lĩnh vực này vẫn chiếm hơn ¼ tổng GTSX của khu vực. Năm 2021, GTSX của khu vực này đạt 10.942,1 tỉ đồng (chiếm 14,8% GTSX nông, lâm nghiệp và thủy sản của toàn tỉnh). Cuộc sống của đại bộ phận nhân dân trên địa bàn phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Nhưng trong điều kiện địa hình, khí hậu khắc nghiệt, nhận thức của người dân còn hạn chế nên hiệu quả kinh tế mang lại không cao. Ngoài ra, việc tìm đầu ra ổn định cho sản phẩm nông nghiệp của người dân cũng là một thách thức không nhỏ. Khả năng tiếp cận của người dân với các ngành nghề công nghiệp cũng không dễ dàng, nhất là trong điều kiện khu vực tập trung nhiều ngành công nghiệp khai thác khoáng sản và công nghiệp thủy điện.

Trong những năm gần đây, các huyện đang chú trọng vào việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Các địa phương cạnh tranh trọng điểm thuộc các huyện Nghĩa Đàn, Quỳnh Hợp... đã chủ động lắp đặt công nghệ tưới nhỏ giọt, phun sương... cho cây ăn quả, cây công nghiệp, kết hợp kỹ thuật luân canh, xen canh bắt buộc. Điều này không những tăng giá trị kinh tế vượt trội trên cùng đơn vị diện tích, mà còn cải tạo đất hiệu quả trước sự tác động của các đối tượng dịch hại và môi trường. Vì vậy, khu vực Tây Bắc, đặc biệt là huyện Quỳnh Hợp và Nghĩa Đàn đã trở thành “thủ phủ” cây ăn quả có múi. Huyện Quỳnh Hợp là địa phương có diện tích và sản lượng cao nhất toàn tỉnh.

Bảng 2. Sản lượng một số sản phẩm nông nghiệp khu vực miền núi Tây Bắc năm 2021

Cây trồng/vật nuôi	Cam (tấn)	Cao su (tấn)	Trâu (con)	Bò (con)
Sản lượng	38.975	6.227	83.254	182.413
Tỉ trọng so với toàn tỉnh (%)	64,1	90,5	31,1	36,2

(Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2021[1])

Việc liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng được củng cố và phát triển, tiêu biểu như: Liên kết sản xuất thức ăn xanh cho chăn nuôi bò sữa ở Thái Hoà, Nghĩa Đàn của Công ty Cổ phần thực phẩm sữa TH và Công ty Cổ phần sữa Việt Nam Vinamilk (số lượng đàn bò ở huyện Nghĩa Đàn năm 2021 cao nhất so với các địa phương khác trong tỉnh); Liên kết sản xuất mía nguyên liệu cho chế biến đường của 3 nhà máy đường; Liên kết sản xuất nguyên liệu nhà máy chế biến tinh bột sắn; liên kết sản xuất sản phẩm chè, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cam Vinh... Hình thức tổ chức sản xuất được đổi mới theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Lâm nghiệp khu vực Tây Bắc tập trung khoanh nuôi, chăm sóc, bảo vệ và trồng rừng để tăng độ che phủ, mặt khác phát triển các loại cây rừng cho giá trị kinh tế cao, tạo vùng nguyên liệu đủ lớn cho các nhà máy chế biến bột giấy, gỗ và các loại lâm sản khác ngoài gỗ, đặc biệt là dược liệu.

Công nghiệp – xây dựng

Khu vực sản xuất công nghiệp – xây dựng có sự tăng trưởng nhanh nhất trong các ngành kinh tế và có tỉ trọng đóng góp lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của khu vực Tây Bắc hiện nay (tốc độ tăng trưởng GTSX trung bình giai đoạn 2016-2021 đạt 21,2%). Tuy nhiên, GTSX của ngành còn nhỏ và chiếm tỉ trọng khiêm tốn trong tổng GTSX khu vực công nghiệp – xây dựng của toàn tỉnh. Năm 2021, GTSX của công nghiệp – xây dựng đạt 17.523,28 tỉ đồng (chiếm 15,4% GTSX công nghiệp – xây dựng toàn tỉnh). Ngành công nghiệp được chú trọng phát triển nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản theo hướng hình thành một số sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, như: Sữa, chè, các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ, cây ăn quả, dược liệu... khai thác tiềm năng lực lượng lao động tại chỗ, góp phần giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo. Bên cạnh đó, thế mạnh về các ngành công nghiệp chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng như chế biến đá, thiếc, xi măng, gạch không nung... đã tạo ra những động lực cho sự tăng trưởng vững chắc công nghiệp nặng của khu vực. Một số sản phẩm công nghiệp của các địa phương trong khu vực đạt sản lượng lớn như: thiếc ở Quỳnh Hợp (đạt 200 tấn năm 2021, chiếm 100% sản lượng thiếc của tỉnh Nghệ An), đá xây dựng ở Quỳnh Hợp (sản lượng đạt 950 nghìn m³) và Nghĩa Đàn (570 nghìn m³), sữa tươi và gỗ MDF tại huyện Nghĩa Đàn (đạt 260 triệu lít và 125 nghìn m³).

Hiện nay, ngoài các khu công nghiệp được đầu tư phát triển, các dự án về các cụm công nghiệp nông thôn cũng được thúc đẩy xây dựng và đi vào phát triển, vừa góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế địa phương, vừa tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần tăng thu nhập và giảm nghèo.

Dịch vụ

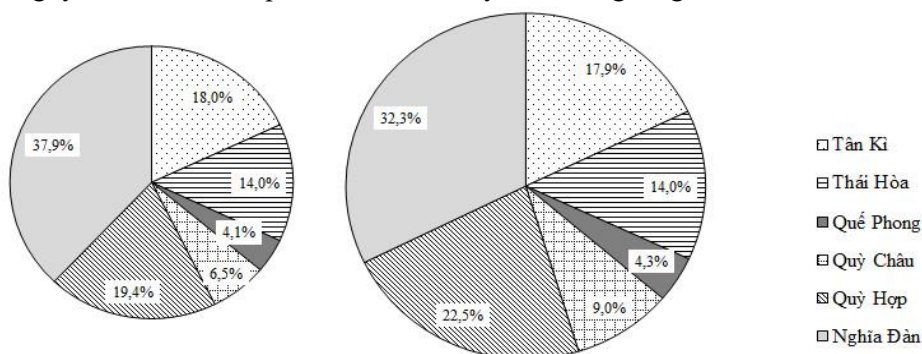
GTSX ngành dịch vụ của khu vực năm 2021 đạt xấp xỉ GTSX của nông, lâm nghiệp và thủy sản (10.514,62 tỉ đồng) nhưng chỉ chiếm 7,9% GTSX của ngành dịch vụ toàn tỉnh. Điều này cho thấy sự phát triển còn khá nhỏ bé của ngành dịch vụ trong khu vực. Hai địa phương có GTSX dịch vụ cao nhất khu vực là thị xã Thái Hòa và huyện Nghĩa Đàn. GTSX ngành dịch vụ của thị xã Thái Hòa đạt 3.210,14 tỉ đồng chiếm 58,1% GTSX của thị xã và chiếm 52,5% GTSX của ngành dịch vụ toàn khu vực. Thái Hòa là trung tâm kinh tế của khu vực Tây Bắc Nghệ An với sự phát triển mạnh mẽ của ngành thương mại. Huyện Nghĩa Đàn đứng thứ 2 về GTSX ngành dịch vụ (đạt 1.432,23 tỉ đồng) là nhờ sự hình thành và phát triển một số điểm du lịch sinh thái và du lịch nông nghiệp như: khu du lịch sinh thái Hòn Mát, khu du lịch sinh thái Trương Gia Trang, cánh đồng hoa hướng dương, điểm du lịch trải nghiệm mùa hoa Sò.

Trong khi phát triển sinh kế nông, công nghiệp gặp nhiều khó khăn, đẩy mạnh du lịch cộng đồng, khai thác giá trị văn hóa truyền thống được xem là hướng đi mới tạo sinh kế bền vững cho người dân khu vực Tây Bắc Nghệ An. Tuy nhiên, trên thực tế, các điểm du lịch cộng đồng tại Nghệ An vẫn chủ yếu là tự phát mà thiếu sự đầu tư, gắn kết giữa chính quyền địa phương, ngành du lịch và các ngành liên quan trong quản lí, đầu tư. Sản phẩm du lịch còn đơn điệu, cơ

sở hạ tầng phục vụ du lịch cộng đồng hạn chế, nguồn nhân lực thiếu và yếu. Điều kiện giao thông khó khăn cũng là một trở ngại đối với sự phát triển của khu vực. Các huyện Quế Phong và Quỳnh Châu chủ yếu nằm ở những khu vực địa hình phức tạp, bị chia cắt bởi nhiều sông suối và đồi núi hiểm trở. Thậm chí, tại một số xã vùng cao chỉ lưu thông được vào mùa khô. Và do đó, các hoạt động thương mại, du lịch cũng bị cản trở nhiều. Khu vực dịch vụ (vốn là ngành đóng góp lớn nhất vào GTSX của tỉnh Nghệ An) lại có tỉ trọng khá nhỏ bé tại các huyện Tây Bắc. Chính điều này đã hạn chế khả năng tiếp cận việc làm của người lao động (vì trong ba khu vực kinh tế, khu vực dịch vụ có khả năng tạo việc làm nhiều nhất).

2.2.2.3. Sự phân hóa kinh tế theo lãnh thổ

Sự phân hóa về nguồn lực phát triển kinh tế không đồng đều kéo theo cơ cấu lãnh thổ nền kinh tế của khu vực cũng có sự phân hóa rõ rệt. Huyện Nghĩa Đàn luôn là địa phương chiếm tỉ lệ giá trị sản xuất cao nhất trong khu vực (32,3% năm 2022), tiếp đến là huyện Quỳnh Hợp, Tân Kỳ và thấp nhất là hai huyện Quế Phong (4,3%) và Quỳnh Châu (9%). Sot dĩ có tỉ trọng đóng góp lớn nhất khu vực bởi trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn đã có một số dự án sản xuất quan trọng, tạo động lực mới cho nền kinh tế của huyện nói riêng và khu vực nói chung, như: Nhà máy chế biến sữa của Công ty CP Chuối thực phẩm TH, Nhà máy chế biến gỗ Nghĩa Đàn.



Hình 4. Cơ cấu giá trị sản xuất theo lãnh thổ của khu vực Tây Bắc năm 2016 và 2022

(Nguồn: Tính toán theo báo cáo KTXH các huyện thị khu vực Tây Bắc năm 2022 [10])

Về vị trí đóng góp của các địa phương trong tổng giá trị sản xuất của khu vực không có sự thay đổi trong giai đoạn 2016-2022 nhưng tỉ lệ đóng góp của một số địa phương lại có sự biến động. Xu hướng giảm tỉ trọng đóng góp trong tổng giá trị sản xuất thuộc về huyện Nghĩa Đàn (giảm từ 37,9% xuống 32,3%), hai huyện Quỳnh Hợp và Quỳnh Châu lại tăng đáng kể, huyện Quỳnh Hợp tăng từ 19,4% (năm 2016) lên 22,5% (năm 2022) và huyện Quỳnh Châu tăng từ 6,5% lên 9%. Sự tăng trưởng về tỉ trọng đóng góp của huyện Quỳnh Hợp và Quỳnh Châu là do tác động của sự phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn trong những năm gần đây.

3. Kết luận

Như vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế khu vực miền núi Tây Bắc Nghệ An còn phải đối mặt với nhiều thách thức, nguy cơ đặt ra trước mắt và lâu dài. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, bình quân giai đoạn 2011-2022 mới chỉ đạt 7,1% còn quá xa so với mục tiêu đặt ra là 10-11%, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của khu vực; chưa tạo được sự chuyển biến căn bản, đột phá quan trọng cho sự phát triển nhanh và bền vững của khu vực; khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản hiệu quả chưa cao. Một số sản phẩm công nghiệp trọng điểm đạt thấp so với kế hoạch; du lịch phát triển chậm. Thu hút đầu tư còn hạn chế, nhất là các dự án FDI; hiệu quả sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn còn thấp, sức cạnh tranh của sản phẩm còn hạn chế; kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, 2017, 2022. *Niên giám thống kê tỉnh Nghệ An năm 2016 và 2021*. Nxb Nghệ An.
- [2] Nguyễn Thị Trang Thanh, 2012. *Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp tỉnh Nghệ An*. Luận án Tiến sĩ Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Lương Thị Thành Vinh, 2020. Hiện trạng phát triển công nghiệp Nghệ An. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol.65, số 02, tr.162-172.
- [4] Nguyễn Thị Hoài, 2013. *Tổ chức lãnh thổ kinh tế tỉnh Nghệ An*. Luận án Tiến sĩ Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Hải Yến, 2018. Phát triển nông nghiệp Nghệ An theo hướng hiện đại trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Luận án Tiến sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội.
- [6] Phạm Ngọc Trụ, 2022. Phát triển hành lang kinh tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn đến năm 2030. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol.67, số 03, tr.121-133.
- [7] Hoàng Phan Hải Yến, 2020. Xây dựng nông thôn mới tại các thôn bản gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi Nghệ An. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol.65, số 05, trang 74-83.
- [8] Trần Thị Tuyền, 2022. Phát triển du lịch nông nghiệp dựa trên hệ sinh thái tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol.67, số 03, tr.145-155.
- [9] Trần Thị Tuyền, 2008, Thực trạng phát triển kinh tế vùng gò đồi tỉnh Nghệ An, *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, Vol.53, số 06, tr.115-123.
- [10] UBND các huyện, thị thuộc khu vực Miền núi Tây Bắc Nghệ An. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2016, 2021, 2022*.
- [11] UBND tỉnh Nghệ An, 2022. Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

ABSTRACT

Influencing factors and the current situation of economic development in the Northwestern mountainous region of Nghe An province

Truong Thi Nhu Nguyet

Department of Basic Science - Viet Nam Trade Union University

The Northwestern mountainous region of Nghe An province has outstanding advantages such as a strategic geographic location for transportation, fertile red basaltic soil resources, and vast terrain suitable for farming, industrial crops, and large-scale fruit trees. In addition to the prominent advantages of land resources, the region also has some advantages to develop industries (minerals, forestry), commerce, and tourism. However, it remains a slow-developing area in terms of the economy. The total value of production in the region is still relatively small compared to the entire province (contributing only about 12% to the province's total value of production, while its population accounts for 18.7% of the province's total population). The growth rate of the region's value of production is also slower than that of the entire province. In 2022, the region's production value only increased by 10.94% compared to 2021 and 1.77 times higher than in 2016, while the figures for the whole province were 11.9% and 2.43 times higher. The speed of economic restructuring by sector is also slow (in 2022, agricultural production still accounts for about 27%); and the territorial economic structure is also significantly polarized, with the area with the largest value of production (Nghĩa Đàn district) being nearly 10 times greater than the area with the smallest value of production (Que Phong district).

Keywords: influencing factors, current situation, economic development, Northwestern of Nghe An province.